



Kế toán quản trị 2

TRẢ LỜI DANH MỤC CÂU HỎI

Câu 1: Đối tượng tập hợp chi phí là gì?

Kế toán định nghĩa chi phí là một nguồn lực được hy sinh hay mất đi để đạt một mục tiêu nhất định nào đó. Chi phí phát sinh luôn gắn liền với một không gian cụ thể ở tại một thời điểm cụ thể. Do tài nguyên của bất kỳ tổ chức nào cũng khan hiếm nên các nhà quản trị luôn đặt ra câu hỏi chi phí phát sinh ở đâu, với quy mô ra sao và ảnh hưởng đến các hoạt động khác như thế nào. Do vậy, xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một đặc tính quan trọng trong kế toán quản trị, bởi vì nó không chỉ đơn thuần phục vụ cho công tác tính giá mà còn liên quan đến công tác tổ chức dữ liệu và phục vụ các nhu cầu khác của nhà quản trị.

Đối tượng tập hợp chi phí là phạm vi được xác định trước để tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ. Xác định đối tượng tập hợp chi phí thực chất là xác định giới hạn các bộ phận chịu chi phí hoặc các đối tượng chịu chi phí làm cơ sở cho việc tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Khái niệm này không chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất mà còn có thể áp dụng cho những doanh nghiệp thuộc các ngành kinh doanh khác. Trên một góc độ chung, có hai biểu hiện về đối tượng tập hợp chi phí. Đó là:

- Các trung tâm chi phí. Trung tâm chi phí là những bộ phận trong doanh nghiệp mà nhà quản trị ở bộ phận đó chịu trách nhiệm về những biến động chi phí phát sinh trong kỳ. Trong doanh nghiệp sản xuất, trung tâm chi phí có thể là từng phân xưởng, từng đội sản xuất, đơn vị sản xuất, ... Mỗi phân xưởng có thể là một giai đoạn công nghệ trong quy trình sản xuất ở doanh nghiệp, hoặc có thể hoàn thành một công việc có tính độc lập nào đó. Trung tâm chi phí có thể là mỗi cửa hàng, quầy hàng, ... đối với doanh nghiệp thương mại; hoặc từng khách sạn, khu nghỉ mát, từng bộ phận kinh doanh, ... đối với doanh nghiệp kinh doanh du lịch; hay từng công trình, hạng mục công trình theo mỗi hợp đồng xây dựng được ký kết trong các doanh nghiệp xây lắp, ...
- Sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cùng loại, một công việc (đơn đặt hàng) hay một hoạt động, một chương trình nào đó như chương trình tiếp thị, hoạt động nghiên cứu và triển khai cho một sản phẩm mới, hoạt động sửa chữa tài sản cố định, ... Đối tượng tập hợp chi phí trong trường hợp này thường không quan tâm đến các bộ phận phát sinh chi phí mà quan tâm chi phí phát sinh cho công việc gì, ở hoạt động nào. Khi đó, người quản trị có thể so sánh, đánh giá chi phí giữa các sản phẩm, các hoạt động với nhau.

Câu 2: Đối tượng tính giá thành là gì?

Đối tượng tính giá thành là các kết quả của quá trình sản xuất hoặc quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ, lao vụ cần được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị để phục vụ các yêu cầu của quản lý. Xác định đối tượng tính giá thành thường gắn với yêu cầu của nhà quản trị về kiểm soát chi phí, định giá bán và xác định kết quả kinh doanh về một đối tượng, một hoạt động nào đó. Trong doanh nghiệp sản xuất, đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc hoàn thành qua quá trình sản xuất. Trong doanh nghiệp dịch vụ, đối tượng tính giá thành có thể là một chương trình du lịch, một hoạt động kinh doanh nào đó. Trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành có thể là từng công trình, hay hạng mục công trình hoàn thành bàn giao tùy theo hợp đồng xây dựng được ký kết, ... Tuy nhiên, kế toán quản trị còn nhìn nhận đối tượng tính giá thành ở một khía cạnh rộng hơn. Chẳng hạn, khi doanh nghiệp tiến hành đầu tư mới, hay thực hiện một dự án nào đó thì đối tượng tính giá thành là hoạt động đầu tư hay dự án đó.

Ngoài đặc điểm của sản xuất thì đối tượng tính giá thành cũng sẽ khác nhau tùy theo tính chất của sản phẩm, đặc điểm của quá trình công nghệ, cũng như yêu cầu của trình độ hạch toán kinh tế và quản lý của doanh nghiệp.

Chẳng hạn như:

- Về mặt sản xuất:
 - o Nếu sản xuất đơn chiếc (theo đơn đặt hàng) thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành. Ví dụ: Xí nghiệp đóng tàu là từng con tàu, xây dựng cơ bản là từng công trình, hạng mục công trình.
 - o Nếu sản xuất hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loạt sản phẩm. Ví dụ: Xí nghiệp cơ khí công cụ là hàng loạt máy công cụ, ...
 - o Nếu tổ chức sản xuất hàng loạt sản phẩm khác nhau thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm một. Ví dụ: Sản phẩm của xí nghiệp hóa chất; vải trong xí nghiệp dệt; cao su, cà phê trong xí nghiệp nông nghiệp, ...
- Về mặt quy trình công nghệ:
 - o Nếu quy trình công nghệ gián đơn thì đối tượng tính giá thành chỉ có thể là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ đó.
 - o Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục (phân bước) thì đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm ở giai đoạn cuối. Cũng có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng.

- Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song thì đối tượng tính giá thành có thể bao gồm cả chi tiết, phụ tùng, bộ phận sản xuất hay thành phẩm. Ví dụ: Sản phẩm lắp ráp, ...

Trên thực tế, khi xem xét các loại nửa thành phẩm tự chế, các bộ phận, một chi tiết sản phẩm có là đối tượng tính giá thành hay không, thì cần phải cân nhắc đến các mặt như: chu kỳ sản xuất sản phẩm dài hay ngắn, nửa thành phẩm tự chế có phải là sản phẩm hàng hóa bán ra hay không, yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp như thế nào, ... để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

➔ Từ hai vấn đề trên, ta có thể thấy đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành giống nhau về bản chất, đều là những phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, chúng cũng có những điểm khác nhau là: Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí; còn đối tượng tính giá thành có liên quan đến kết quả của quá trình sản xuất. Tóm lại, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong hệ thống tính giá thành ở đơn vị. Nếu đối tượng tập hợp chi phí cần xác định là bước khởi đầu cho quá trình tập hợp chi phí thì đối tượng tính giá thành gắn liền với việc thực hiện các kỹ thuật tính giá thành hay các phương pháp tính giá thành. Trong thực tế, một đối tượng tập hợp chi phí có thể trùng với một đối tượng tính giá thành sản phẩm hoặc một đối tượng tập hợp chi phí bao gồm nhiều đối tượng tính giá sản phẩm và ngược lại một đối tượng tính giá thành cũng có thể bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm ở một doanh nghiệp cụ thể sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tính và kỹ thuật tính giá thành của doanh nghiệp đó.

Câu 3: *Nêu mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm?*

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải kết hợp ba yếu tố cơ bản, đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Hao phí của những yếu tố này biểu hiện dưới hình thức giá trị được gọi là chi phí sản xuất. Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa, chi phí về các loại dịch vụ và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã chi và phải chi để tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc cung cấp lao vụ, dịch vụ trong một kỳ nhất định.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành theo quy định.

→ Quá trình sản xuất là một quá trình thông nhất bao gồm hai mặt: Mặt hao phí sản xuất và mặt kết quả sản xuất. Tất cả những khoản chi phí phát sinh (phát sinh trong kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí trích trước có liên quan đến khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

☆ **Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm:**

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai mặt biểu hiện của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, lao vụ, dịch vụ và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì nội dung cơ bản của chúng là biểu hiện bằng tiền của những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra và phải bỏ ra cho hoạt động sản xuất. Chi phí sản xuất là cơ sở để tính toán xác định giá thành sản phẩm. Tuy vậy, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có những mặt khác nhau là:

- Chi phí sản xuất biểu hiện mặt hao phí lao động phát sinh trong quá trình sản xuất và nó luôn gắn liền với một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm), không cần biết nó thuộc loại sản phẩm nào, hoàn thành hay chưa hoàn thành; còn giá thành sản phẩm biểu hiện hao phí lao động kết tinh trong khối lượng sản phẩm, công việc lao vụ sản xuất đã hoàn thành mà không tính đến chi phí đó phát sinh ở kỳ nào.
- Khi xem xét dưới góc độ biểu hiện bằng tiền thì trong một thời kỳ, tổng số chi phí sản xuất phát sinh khác với tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ đó. Vì chi phí sản xuất không chỉ liên quan đến sản phẩm lao vụ đã hoàn thành mà còn liên quan đến sản phẩm hỏng, sản phẩm làm dở cuối kỳ, cả những chi phí trích trước nhưng thực tế chưa phát sinh. Trong khi đó, giá thành sản phẩm không bao gồm những chi phí sản xuất không liên quan đến hoạt động tạo ra sản phẩm và những chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ (chuyển sang kỳ sau), nhưng nó lại chứa đựng cả phần chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ (cuối kỳ trước chuyển sang). Giá thành sản phẩm có thể được giới hạn hẹp hơn so với chi phí sản xuất tùy thuộc vào yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Tuy nhiên, nếu bộ phận chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ không bằng nhau thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm sẽ khác nhau về lượng. Mối quan hệ đó được thể hiện qua công thức sau:

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành	=	Chi phí SX dở dang đầu kỳ	+	Chi phí SX phát sinh trong kỳ	-	Chi phí SX dở dang cuối kỳ
---	---	----------------------------------	---	--------------------------------------	---	-----------------------------------

Câu 4: So sánh cách tính sản lượng tương đương theo phương pháp bình quân gia quyền với phương pháp nhập trước – xuất trước?

Ở các doanh nghiệp vận dụng hệ thống tính giá thành theo quy trình sản xuất, quá trình sản xuất diễn ra liên tục nên tại bất kỳ thời điểm nào trên dây chuyền sản xuất cũng tồn tại sản phẩm dở dang với mức độ hoàn thành khác nhau. Vấn đề này đặt ra yêu cầu làm sao xác định một cách hợp lý giá trị của những sản phẩm đang chế dở để có cơ sở tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Trên góc độ dịch chuyển chi phí: vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung thường phát sinh với các tỷ lệ không như nhau tại một điểm nào đó trên dây chuyền sản xuất. Chẳng hạn, chi phí vật liệu trực tiếp thường đưa ngay từ đầu quá trình sản xuất hoặc đưa vào những điểm phù hợp với quy trình công nghệ. Trong khi đó, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung (gọi chung là chi phí chế biến) phát sinh liên tục trong cả quá trình sản xuất. Ý tưởng này dẫn đến: nếu xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang thì có thể quy đổi cả về mặt vật chất và chi phí của số sản phẩm dở dang này thành một số lượng sản phẩm hoàn thành nào đó. Đó chính là sản lượng tương đương.

Sản lượng tương đương được hiểu là sản lượng đáng lẽ được sản xuất ra trong kỳ nếu tất cả mọi kết quả đạt được của phân xưởng đều là sản phẩm hoàn thành của phân xưởng đó. Công thức chung để xác định sản lượng tương đương cho sản phẩm dở dang như sau:

$$\text{Sản lượng tương đương} = \text{Số lượng sản xuất} \times \text{mức độ \% hoàn thành công việc}$$

Xác định sản lượng tương đương còn quan tâm đến vấn đề: dòng chi phí có gắn liền với dòng vật chất của quá trình sản xuất hay không. Có hai phương pháp tính sản lượng tương đương xét theo khía cạnh này là: Phương pháp bình quân gia quyền và phương pháp nhập trước – xuất trước.

☆ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, sản lượng tương đương của một phân xưởng chỉ xét đến số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành thành phẩm. Số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ coi như đã hoàn thành trong kỳ sản xuất theo dòng vật chất của quá trình sản xuất.

Như vậy, sản lượng tương đương theo phương pháp bình quân gia quyền sẽ là:

Sản lượng tương đương = Sản lượng hoàn thành trong kỳ + Sản lượng tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Việc tính sản lượng tương đương chỉ mới tính về mặt hiện vật, chưa đề cập đến mặt giá trị của sản lượng tương đương.
- Tính sản lượng tương đương phải phân ra theo từng khoản mục chi phí là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, và chi phí sản xuất chung.
- Khối lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ luôn được xem là hoàn thành trong kỳ. Do vậy, chúng ta không quan tâm điều chỉnh khối lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ mà chỉ điều chỉnh đối với sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Số sản phẩm dở dang cuối kỳ được chuyển thành sản lượng tương đương theo mức độ hoàn thành ở từng khoản mục.

✧ **Ưu điểm:**

Cách tính này đơn giản, dễ làm vì chỉ quan tâm đến sản lượng hoàn thành và dở dang cuối kỳ.

✧ **Nhược điểm:**

Không phản ánh đúng sự chính xác trong việc tính sản lượng tương đương nên sẽ dẫn đến tính không hợp lý trên phương diện sản lượng sản xuất và giá thành đơn vị sản phẩm. Vì mỗi loại sản phẩm dở dang đầu kỳ có mức độ hoàn thành khác nhau nên nếu quan tâm đến khái niệm sản lượng tương đương, doanh nghiệp sẽ phải tiêu dùng các nguồn lực để tiếp tục hoàn thành phần còn lại của sản phẩm. Vấn đề này chưa được xem xét đến theo phương pháp bình quân. Kết quả là giá thành đơn vị sản phẩm sẽ bị san bằng nếu hao phí giữa các kỳ có sự khác biệt thực sự.

☆ **Phương pháp nhập trước - xuất trước:**

Để giải quyết những hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền thì có thể áp dụng phương pháp nhập trước – xuất trước. Thực chất của phương pháp này là sản phẩm dở dang đầu kỳ sẽ tiếp tục được chế biến và sẽ hoàn thành trước nếu không có sai hỏng gì về mặt kỹ thuật, những sản phẩm mới bắt đầu sản xuất trong kỳ sẽ hoàn thành sau và có thể là những sản phẩm dở dang còn lại cuối kỳ. Việc tính sản lượng tương đương theo phương pháp này thật sự tuân thủ theo dòng vật chất của quá trình sản xuất, và do vậy các báo cáo về sản lượng và giá thành sẽ hợp lý hơn.

Theo phương pháp nhập trước - xuất trước, sản lượng tương đương trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Sản lượng tương đương} = \text{Sản lượng DĐĐK phải tiếp tục sản xuất} + \text{Sản lượng bắt đầu sản xuất và hoàn thành trong kỳ} + \text{Sản lượng tương đương của sản phẩm DDCK}$$

✦ Ưu điểm:

Phương pháp này chứng tỏ sự chính xác trong tính toán sản lượng tương đương, đó là khối lượng công việc mà một phân xưởng đã làm trong kỳ.

✦ Nhược điểm:

Thực hiện khá phức tạp.

✧ *Những điểm khác nhau giữa cách tính sản lượng tương đương theo phương pháp bình quân gia quyền với phương pháp nhập trước – xuất trước:*

Phương pháp bình quân gia quyền	Phương pháp nhập trước – xuất trước
1. Tính sản lượng tương đương trong kỳ	
Sản lượng hoàn thành trong kỳ.	Sản lượng tương đương của sản phẩm dở dang đầu kỳ tiếp tục chế biến.
Sản lượng tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ.	Sản lượng bắt đầu sản xuất và hoàn thành trong kỳ.
	Sản lượng tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
2. Tính giá thành đơn vị sản phẩm tương đương	
Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ cùng với chi phí phát sinh được sử dụng để tính giá thành.	Chi phí phát sinh trong kỳ được sử dụng để tính giá thành đơn vị.
Giá thành đơn vị sẽ chịu ảnh hưởng biến động giá đầu vào của kỳ trước.	Giá thành đơn vị không chịu ảnh hưởng biến động giá đầu vào kỳ trước.
3. Cân đối chi phí	
Giá trị của sản lượng chuyển sang phân xưởng kế tiếp được tính theo cùng một giá phí.	Giá trị của sản lượng chuyển sang phân xưởng kế tiếp gồm: Chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí cho số sản phẩm dở dang đầu kỳ cần tiếp tục hoàn thành, và chi phí cho sản phẩm bắt đầu sản xuất và đã hoàn thành.

Giá trị của sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính như nhau cho cả hai phương pháp.	Giá trị của sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính như nhau cho cả hai phương pháp.
---	---

Câu 5: So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa hệ thống tính giá thành theo công việc và hệ thống tính giá thành theo quá trình sản xuất?

☆ **Hệ thống tính giá thành theo công việc (đơn đặt hàng):**

Công việc là một khái niệm trừu tượng để chỉ một mặt hàng, một dự án hoặc một nhóm sản phẩm nào đó được tiến hành sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Tính giá thành theo công việc là hệ thống tính giá thành phổ biến áp dụng ở các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng. Tính giá thành theo công việc còn được gọi là tính giá thành theo đơn đặt hàng. Đa số các sản phẩm trong hệ thống tính giá thành này có ít nhất một trong các đặc điểm dưới đây:

- Tính độc đáo theo yêu cầu của từng đơn đặt hàng: sản phẩm đặc biệt, có rất ít hoặc không có điểm nào giống với các sản phẩm khác, không có sự lặp lại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ như trong các hoạt động xây dựng cơ bản (xây dựng các công trình dân dụng, xây dựng cầu đường, thủy lợi), hoạt động in ấn, sản xuất đồ dùng gia đình, ... mỗi đơn đặt hàng có những yêu cầu riêng lẻ về kiểu dáng, thiết kế, công dụng và các đặc trưng có tính kỹ thuật khác. Vì vậy, các sản phẩm này dễ dàng nhận biết hoặc dễ phân biệt với sản phẩm khác trong cùng một môi trường sản xuất.
- Hoạt động sản xuất có thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc rõ ràng. Sản phẩm sản xuất là những sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có thể xác định riêng lẻ. Ví dụ như hoạt động đóng tàu, ô tô, hoạt động in ấn theo nhu cầu của khách hàng, ... Đặc tính này xuất phát từ yêu cầu kỹ thuật của từng sản phẩm cũng như khối lượng sản xuất của từng đơn hàng.
- Sản phẩm có giá trị cao, có kích thước lớn.

Như vậy, hệ thống tính giá thành theo đơn đặt hàng hay theo công việc phù hợp với các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ, công việc sản xuất thường được tiến hành theo đơn đặt hàng của người mua. Đơn đặt hàng có thể là một sản phẩm riêng biệt hoặc một số sản phẩm cùng loại.

Với những đặc điểm của sản phẩm, đối tượng tập hợp chi phí trong hệ thống tính giá thành theo công việc là từng đơn đặt hàng; còn đối tượng tính giá thành có thể cũng là đơn đặt hàng hoặc từng loại sản phẩm của đơn đặt hàng. Do độ dài thời gian cho sản xuất của từng đơn hàng có thể xác định riêng và không như nhau nên kỳ tính

giá thành là khi đơn đặt hàng hoàn thành. Vì thế, vào cuối kỳ kế toán, nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí lũy kế cho công việc (đơn hàng) đó được xem là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

☆ **Hệ thống tính giá thành theo quy trình sản xuất:**

Quy trình sản xuất là quy trình bao gồm hệ thống các công đoạn mà một sản phẩm muốn hoàn thành phải trải qua. Ở các doanh nghiệp, quy trình sản xuất được tổ chức theo hai hình thức: Quy trình sản xuất liên tục và quy trình sản xuất song song.

Tính giá thành theo quy trình sản xuất là phương pháp tính giá thành được sử dụng khi không thể nhận dạng riêng biệt các đơn vị sản phẩm, công việc vì bản chất liên tục của quá trình sản xuất ra chúng. Nói cách khác, phương pháp tính giá thành theo quy trình là phương pháp tính giá thành của sản phẩm, dịch vụ bằng cách phân bổ chi phí cho các khối giống nhau rồi sau đó tính chi phí đơn vị trên cơ sở bình quân.

Ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá thành này, quy trình sản xuất thường gồm nhiều giai đoạn chế biến liên tiếp mà trong đó mỗi giai đoạn chỉ thực hiện một phần công việc trong toàn bộ các công việc chế tạo sản phẩm từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành chuyển nhập kho.

Các doanh nghiệp áp dụng hệ thống tính giá thành này là những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành sản xuất có tính lặp lại, nghĩa là hoạt động sản xuất số lớn với những sản phẩm tương tự nhau, hoặc rất giống nhau. Quy trình sản xuất sản phẩm chia ra nhiều giai đoạn công nghệ hay nhiều bước chế biến nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định. Mỗi giai đoạn chế biến tạo ra một loại bán thành phẩm; bán thành phẩm bước này là đối tượng chế biến ở bước kế tiếp. Điển hình của các doanh nghiệp áp dụng hệ thống tính giá này là các đơn vị trong ngành sản xuất giấy, dầu khí, hóa chất, dệt, chế biến thực phẩm, cao su, điện tử, ...

Đặc điểm của quy trình sản xuất trên dẫn đến dòng chi phí cũng vận động liên tục tương ứng với dòng vật chất. Với sự vận động của chi phí gắn liền với hoạt động sản xuất theo từng giai đoạn công nghệ cụ thể, nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thích hợp theo hệ thống tính giá này thường là từng phân xưởng, từng công đoạn của quá trình sản xuất hay từng giai đoạn công nghệ. Mỗi giai đoạn công nghệ hay mỗi bước sản xuất được hiểu là phải hoàn thành một mức độ nào đó của sản phẩm, gọi là bán thành phẩm; để chuyển sang giai đoạn công nghệ kế tiếp. Vì sự liên tục này nên hệ thống tính giá thành này còn có tên gọi khác là tính giá theo kiểu phân bước. Phù hợp với đặc điểm đó, đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm hoàn thành ở từng giai đoạn công nghệ và thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng.

Do hoạt động sản xuất diễn ra liên tục trong điều kiện sản xuất số lớn nên kỳ tính giá thành thường là cuối kỳ kế toán (tháng, quý, năm).

Với đối tượng tập hợp chi phí như trên, các chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh ở giai đoạn công nghệ nào được tập hợp theo giai đoạn công nghệ đó. Các chi phí chung được hạch toán theo phân xưởng, sau đó phân bổ theo từng giai đoạn công nghệ theo một tiêu chuẩn thích hợp.

✧ ***So sánh phương pháp xác định giá thành theo công việc với phương pháp xác định giá thành theo quá trình sản xuất:***

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy rõ sự khác biệt giữa hai hệ thống tính giá thành. Trong hệ thống tính giá thành theo đơn đặt hàng, chi phí được cộng dồn theo từng đơn hàng, từng công việc qua các phiếu theo dõi chi phí. Qua đó, giá thành đơn vị sản phẩm trong mỗi đơn hàng là tổng chi phí của đơn hàng đó chia cho sản lượng hoàn thành. Tuy nhiên, trong hệ thống tính giá thành theo quá trình sản xuất, việc tập hợp chi phí phải theo từng phân xưởng hay từng giai đoạn công nghệ thay vì tập hợp theo công việc hay nhóm công việc. Chi phí của một đơn vị sản phẩm được tính bằng cách chia bình quân tổng chi phí phát sinh cho số lượng sản phẩm sản xuất. Nếu không tính giá thành của từng công đoạn sẽ dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác quản trị chi phí tại doanh nghiệp.

Qua đó, ta thấy phương pháp tính giá thành theo quá trình sản xuất đơn giản hơn so với phương pháp tính giá thành theo công việc vì chi phí sản xuất phát sinh trong từng phân xưởng thường gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm từ phân xưởng này qua phân xưởng khác hơn là gắn liền với từng công việc cụ thể.

- Mỗi phân xưởng sản xuất có một tài khoản chi phí sản xuất dở dang riêng để tập hợp được chi phí của phân xưởng; trên cơ sở đó, tính chi phí đơn vị của phân xưởng.
- Các khoản mục chi phí sản xuất (NVLTT, NCTT, SXC) được phân bổ ngay cho phân xưởng mà các chi phí đó phát sinh không nhất thiết phải theo trình tự từ phân xưởng đầu tiên.

Bán thành phẩm của phân xưởng trước trở thành đối tượng chế biến của phân xưởng sau và cứ thế sản phẩm vận động qua các phân xưởng sản xuất cho đến khi hoàn thành chuyển vào kho thành phẩm. Khi sản phẩm được chuyển từ phân xưởng này qua phân xưởng khác, chúng sẽ mang theo cùng với chúng chi phí đã kết tinh vào cùng qua phân xưởng mới.

Ở phân xưởng mới, sản phẩm tiếp tục được bổ sung thêm chi phí để hoàn tất công đoạn ở phân xưởng đó, rồi tiếp tục được chuyển qua phân xưởng tiếp theo, quá trình này cứ tiếp tục cho đến khi sản phẩm hoàn thành hoàn toàn và chuyển vào kho thành phẩm.

Tuy nhiên, ngoài những điểm khác nhau thì cả hai phương pháp này vẫn có một số điểm chung là:

- Điều được dùng để xác định giá thành của sản phẩm.
- Đối tượng tính giá thành đều liên quan đến sản phẩm.
- Chủ yếu sử dụng phương pháp trực tiếp để tập hợp chi phí.

Câu 6: Lấy một doanh nghiệp cụ thể và phân loại các bộ phận trong doanh nghiệp thành bộ phận chức năng và bộ phận phục vụ?

Bộ phận là một khái niệm trừu tượng dùng để chỉ một phần, một mặt hoạt động, một đơn vị hay một phòng ban thuộc cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, của đơn vị cùng hoạt động vì mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Các bộ phận trong một tổ chức có thể chia làm hai loại:

☆ **Bộ phận chức năng:**

Bộ phận chức năng: là bộ phận thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp hay nói cách khác đó là những bộ phận trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện hoạt động chức năng của doanh nghiệp.

☆ **Bộ phận phục vụ:**

Bộ phận phục vụ: là bộ phận thực hiện các hoạt động sản xuất nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ cho các bộ phận chức năng hoặc cho các bộ phận phục vụ khác. Bộ phận này không gắn trực tiếp với hoạt động chức năng của đơn vị nhưng hoạt động của chúng lại tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ phận trong đơn vị hoạt động.

Ví dụ:

1. Tại **Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng** (Đơn vị sản xuất), với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất, chế tạo và cung cấp các toa xe đường sắt nên các bộ phận chức năng và bộ phận phục vụ được tổ chức như sau:

✱ **Bộ phận phục vụ:**

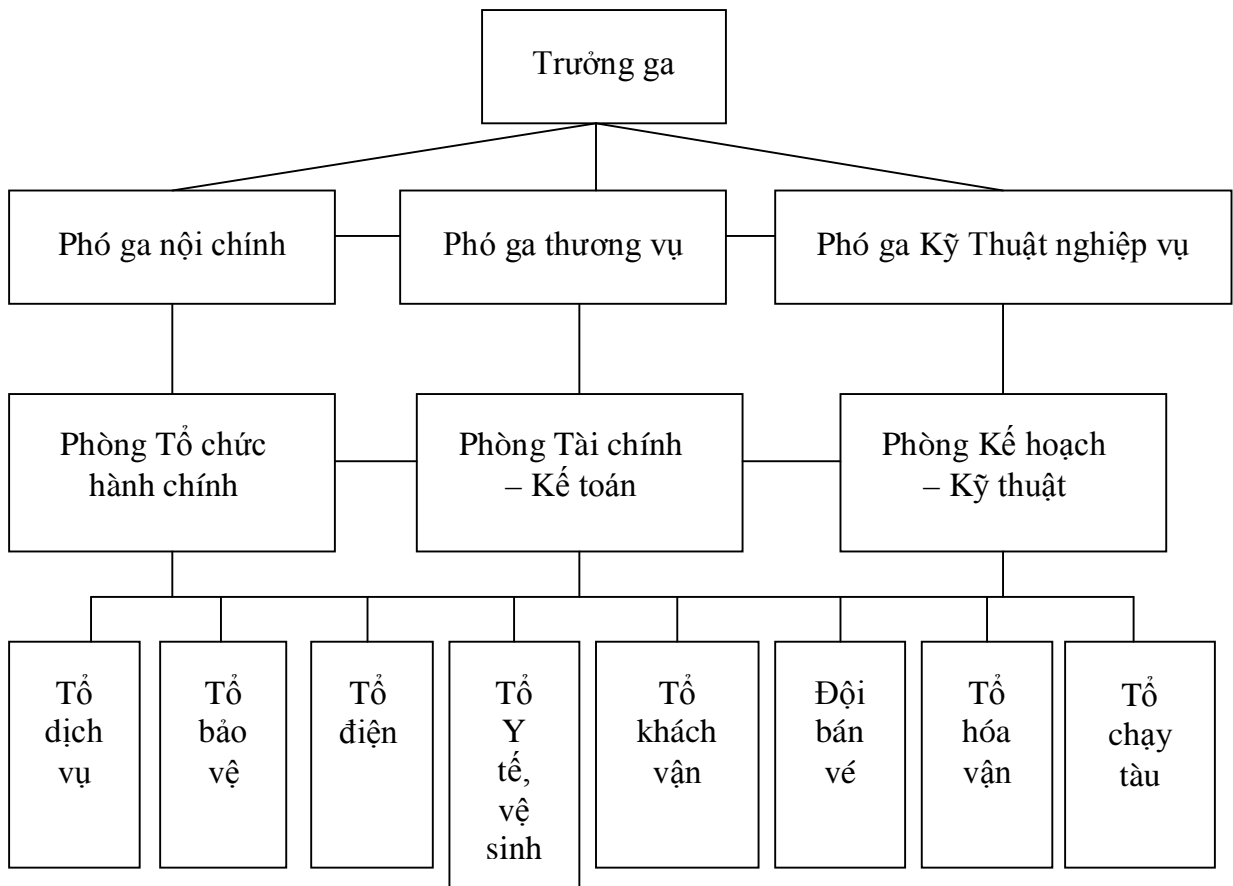
- Ban Giám đốc (1 Giám đốc + 2 Phó Giám đốc).
- Phòng Kế toán – Tài chính.
- Phòng Kế hoạch.

- Phòng Kỹ thuật.
- Phòng Vật tư.
- Phòng Tổ chức lao động.
- Phòng Hành chính.

✱ *Bộ phận chức năng:*

- Phân xưởng cơ điện; gồm:
 - o Tổ điện máy.
 - o Tổ tiện.
 - o Tổ điện.
- Phân xưởng sửa chữa; gồm: 10 tổ sản xuất (tổ 1, 2, 3, 4, ..., 8, 9, 10).
- Phòng Kinh doanh.

2. Tại **Ga Đà Nẵng** (Đơn vị cung cấp dịch vụ), với lĩnh vực kinh doanh chính là bán vé tàu, vận chuyển hàng hóa (dịch vụ kinh doanh vận tải); cung cấp đồ ăn, thức uống, đặc sản, quà lưu niệm và các dịch vụ khác phục vụ hành khách lên - xuống tàu (dịch vụ kinh doanh ngoài vận tải). Sơ đồ tổ chức Ga Đà Nẵng như sau:



✧ Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:

- ✧ *Phòng Tổ chức hành chính:* (Gồm Trưởng phòng, Nhân viên Cán sự, Nhân viên An toàn Lao động, Nhân viên Văn thư – Tạp công, Nhân viên quản lý vật tư, Lái xe)
 - Quản lý CBCNV, nắm vững trình độ kỹ thuật, đạo đức phẩm chất, sức khỏe, tham mưu cho lãnh đạo công tác đề bạt sắp xếp bố trí, điều động nhân lực phối hợp phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục, đào tạo nghiệp vụ, thi luật lệ định kỳ hàng năm. Tham mưu Hội đồng Lương giải quyết nâng bậc, nâng lương hàng năm cho CBCNV. Tham mưu cho Trưởng ga về việc tiếp nhận, bố trí lao động và khen thưởng, kỷ luật của đơn vị.
 - Phụ trách công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách tiền lương lao động định biên sản xuất của đơn vị.
 - Quản lý các chế độ của CBCNV như: bảo hiểm xã hội – bảo hiểm thân thể - bảo hộ lao động, lập kế hoạch BHLĐ hàng năm, kiểm tra định kỳ về an toàn lao động đối với các chức danh trong ga. Tổ chức thực hiện chế độ BHLĐ trang bị đồng phục cho CBCNV hàng năm (nếu có).
 - Tham mưu và chịu trách nhiệm công tác PCCC của đơn vị.
 - Bảo vệ quân sự, chăm sóc vườn hoa cây cảnh.
 - Thành lập và có phương án tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ cơ quan.
 - Chịu trách nhiệm tổ chức tuyên truyền băng rôn khẩu hiệu cờ panô, áp phích, tranh ảnh trong những ngày lễ tết trong năm của đơn vị.
 - Tổ chức quản lý, phân công bộ phận nhà khách.
 - Lập trình và theo dõi các chương trình quản lý của các phòng ban trong khâu quản lý vi tính, đảm bảo tính thông tin bí mật các chương trình.
 - Theo dõi việc cấp phát trang thiết bị vật tư, trang bị cá nhân.
 - Thực hiện các hợp đồng dịch vụ khi xe ô tô không có kế hoạch phục vụ đơn vị.
 - Bảo đảm doanh thu dịch vụ nộp khoán cho ga.
- ✧ *Phòng Tài chính – Kế toán:* (Gồm Trưởng phòng, Kế toán thanh toán, Kế toán thủ quỹ, Kế toán dịch vụ ngoài vận tải)
 - Phối hợp với các phòng ban trong đơn vị tham mưu cho lãnh đạo ga chỉ đạo và thực hiện phục vụ theo nhu cầu hoạt động sản xuất của đơn vị.
 - Thực hiện công việc tổng hợp, báo cáo thường xuyên và định kỳ những vấn đề liên quan đến công tác tài chính – kế toán trong đơn vị, để tham mưu cho lãnh đạo ga kịp thời trong công tác quản lý tài chính nội bộ và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vận tải và kinh doanh vận tải tong đơn vị.

- ✘ *Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:* (Gồm: Trưởng phòng, Phó phòng, Giám sát viên)
 - Thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất lãnh đạo ga giao phó.
 - Tham mưu các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến các bộ phận (chạy tàu, khách – hóa vận) và dự báo khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách, điều tra nghiên cứu thị trường, nắm nguồn hàng, nguồn khách để lập kế hoạch chính xác.
 - Nắm tính hình thực hiện vận tải các bộ phận để giao ban báo cáo lãnh đạo.
 - Chỉ đạo giải quyết các sự cố về thương vụ và an toàn chạy tàu.
 - Phối hợp phòng Tổ chức hành chính tổ chức thi luật lệ định kỳ, sát hạch, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.
 - Chỉ đạo thực hiện chế độ kiểm tra an toàn chạy tàu, thương vụ hàng hóa, hành khách và trình tự thao tác khi thừa hành nhiệm vụ của CBCNV liên quan công tác vận tải.
 - Hàng quý, theo dõi thiết bị chạy tàu và tổ chức họp liên tịch thiết bị khu ga.
- ✘ *Tổ Dịch vụ kinh doanh ngoài vận tải:* (Gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, Thủ kho, Bộ phận kinh doanh công nghệ phẩm, Bộ phận kinh doanh đá mỹ nghệ - Ăn uống, Bộ phận Bi Da, Bộ phận Giữ xe)
 - Tổ chức kinh doanh sản xuất dịch vụ ngoài vận tải theo quy định của Nhà nước, của ngành và của đơn vị quy định.
 - Tham mưu cho Trưởng ga về công tác quản lý khai thác kinh doanh nguồn hàng, nguồn nhân lực hợp lý, gọn nhẹ, phù hợp với địa hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, phù hợp với từng mức và chuyển tàu.
 - Tham mưu cho Trưởng ga về các mặt chế độ chính sách lao động, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, BH Y tế, và các nghĩa vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất chính và đơn vị.
- ✘ *Tổ Bảo vệ chuyên ngành:* (Gồm: Đội trưởng, Đội phó, Nhóm trực Ga, Nhóm trực công hóa trường, Nhóm trực công Bắc)
 - Tham mưu cho Trưởng ga và cấp trên chuyên ngành về công tác bảo vệ trật tự trị an trong khu vực ga và trên các đoàn tàu (nếu có).
 - Tổ chức xây dựng lực lượng, triển khai các mặt công tác nghiệp vụ bảo vệ, quan hệ chặt chẽ với các cơ quan đơn vị trong và ngoài ngành để phối hợp thực hiện tốt công tác bảo vệ trật tự trị an, đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của ga.
 - Xây dựng các phương án nội quy, quy tắc bảo vệ ga, quản lý và phân công lực lượng bảo vệ Hóa trường, bảo vệ công Bắc.

- Nắm vững tình hình khu vực ga, tham mưu cho Trưởng ga các chương trình, kế hoạch, phương án bảo vệ có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa thiên tai, PCCC và an ninh trật tự trên tàu, dưới ga nhất là dịp lễ, hè, tết.
- Thường xuyên kiểm tra, canh gác, theo dõi, phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước, làm trái pháp luật, mang vũ khí trái phép, đem chất cháy nổ vào ga lên tàu gây tai nạn.
- ✘ **Tổ điện:** (Gồm: Tổ trưởng và Tổ viên)
 - Trực thường xuyên 24/24 giờ đảm bảo an toàn và nguồn điện liên tục đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của ga, giải quyết kịp thời các trở ngại, sự cố hệ thống mạng điện bố trí từ Hóa trường đến khu vực trong ga.
 - Kiểm tra, giám sát, theo dõi thường xuyên việc dùng điện của các bộ phận và tiết kiệm điện.
- ✘ **Tổ Y tế - Vệ sinh:** (Gồm: Trạm trưởng, Y sĩ, Vệ sinh viên)
 - Tham mưu và trực tiếp thực hiện mọi biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ để làm tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng dịch, phòng chống bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe CBCNV theo hướng y học dự phòng và chịu sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm y tế dự phòng Đường Sắt.
 - Tổ chức khám bệnh, phát thuốc thông thường cho CBCNV khi ốm đau, gửi đi khám bệnh hoặc điều trị tại bệnh viện khi cần thiết, mua và theo dõi BHYT.
- ✘ **Tổ Khách vận:** (Gồm: Trực ban khách vận, Nhân viên kiểm soát vé, Nhân viên phát thanh)
 - Nắm vững kế hoạch giờ tàu, kịp thời thông báo cho hành khách nắm.
 - Kiểm tra toàn bộ công tác vệ sinh phòng đợi, cửa kiểm soát.
 - Quan hệ mật thiết với các bộ phận như: Đội bán vé, Trực ban chạy tàu, Bảo vệ.
 - Hướng dẫn, chỉ dẫn hành khách lên xuống đúng số tàu, thông báo giờ đi, đến các đoàn tàu trong ngày.
 - Đóng mở cửa kiểm soát vé. Kiểm tra, kiểm soát vé đưa tiễn, vé tàu.
 - Phát thanh giờ tàu cho hành khách nắm khi tàu về và phát thanh cho hành khách bảo đảm an toàn.
- ✘ **Đội bán vé:** (Gồm: Đội trưởng, Đội phó, Hành lý bao gửi, Quầy vé địa phương, Quầy vé thống nhất, Thu ngân).
 - Bảo đảm sổ sách các văn bản, tiền vé và các loại vé; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với tổ kiểm soát, các phòng ban tham mưu, các chức danh liên quan để thực hiện kịp thời công tác bán vé và phục vụ hành khách.

- Bán vé theo hệ thống vi tính, in ấn sơ đồ cho tổ tàu, làm báo cáo hàng ngày.
- Liên hệ chặt chẽ với Ngân hàng để nộp tiền, séc hàng ngày.
- Nhận bao gửi và bán vé hành lý cho hành khách.
- Đón tàu nhận các công văn hòm Bạc của các ga gửi về bằng tàu Thống nhất và tàu Địa phương.
- Thu tiền vận doanh của ga và các ga dọc đường.
- ✘ *Tổ Hóa vận:* (Gồm: Trục ban hóa vận, Bộ phận đơn đốc xếp dỡ, Bộ phận hạch toán)
 - Lập biên bản những vụ việc vi phạm thể lệ vận chuyển hàng hóa và những vi phạm khác liên quan đến công tác vận chuyển hàng hóa, đề xuất với Trưởng, Phó ga xin ý kiến giải quyết.
 - Kiểm tra, đơn đốc, hướng dẫn cho công nhân xếp dỡ về kỹ thuật xếp dỡ các chủng loại hàng hóa và thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan với chủ hàng trong giữ hàng, nhậ hàng; ký nhận sổ sách, giấy tờ thu tiền và các loại cước phí, tạp phí, tiền xếp dỡ và nộp đầy đủ kịp thời cho Thu ngân trong ngày.
 - Quản lý việc đóng, mở cửa toa xe hàng hóa ra vào Hóa trường và phục vụ cho các phương tiện của chủ hàng ra vào ga nhận gửi hàng.
- ✘ *Tổ chạy tàu:* (Gồm: Trục ban chạy tàu, Trục ban ngoài, Điểm xa, Trưởng đồn, Móc nối, Dẫn máy, Quay ghi)
 - Theo dõi, đơn đốc dẫn máy ra vào kho để đảm bảo việc vận dụng đầu máy có hiệu quả.
 - Phổ biến cho Trục ban Khách vận, Hóa vận, Trục ban ngoài: giờ tàu đi – đến, giờ tàu chạy chậm theo dự kiến của Điều độ, thành phần thay đổi thêm hoặc bớt toa xe, ...
 - Thay đổi thành phần đoàn tàu, bổ sung kế hoạch chạy tàu.
 - Kiểm tra thành phần tàu đi và tàu về.
 - Viết nhật ký đoàn tàu, giao nhận chứng từ với trưởng tàu và hóa vận ga, theo dõi các phiếu cắt xe và trả xe.
 - Kiểm tra trạng thái đường, ghi, toa xe, có biện pháp chống trôi xe, chẻ ghi, đâm sòn, trật bánh, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong công tác đồn.
 - Cộng xe, trừ xe.

Dựa vào các chức năng và nhiệm vụ chính của từng bộ phận, ta có thể khái quát lại các bộ phận chức năng và bộ phận phục vụ của Ga Đà Nẵng như sau:

✧ Bộ phận phục vụ:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng Tài chính – Kế toán.
- Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật
- Đội Bảo vệ chuyên ngành.
- Tổ Điện.
- Tổ Y tế - Vệ sinh.
- Tổ Khách vận.

✧ Bộ phận chức năng:**✧ Kinh doanh vận tải:**

- Tổ Hóa Vận.
- Tổ Chạy tàu.
- Đội Bán vé.

✧ Kinh doanh ngoài vận tải:

- Tổ Dịch vụ ngoài vận tải.

-- ❁ ❁ ❁ --